

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/DS-ST
Ngày: 11-9-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hải Yến, ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Quang A, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà C, đường N, khu C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987 (Có mặt)

Nơi thường trú: Khu D, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ liên hệ: Số D đường L, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Số nhà B, đường N, tổ dân phố số F, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 3 năm 2024, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ông Ngô Quang A và ông Nguyễn Anh D có mối quan hệ làm ăn trong nhiều năm nay. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến ngày

31/10/2023, ông **D** có vay tiền của ông **Quang A** nhiều lần. Đến ngày 31/10/2023 hai bên lập biên bản xác nhận công nợ với nội dung tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/10/2023 ông **Nguyễn Anh D** vay của ông **Ngô Quang A** số tiền 1.186.318.179 đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm mười tám nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng), lãi suất cho vay là 1%/tháng, số tiền này ông **D** xác nhận đã nhận đủ. Thời hạn vay: Chậm nhất là ngày 30/11/2023 ông **D** có nghĩa vụ phải trả đủ số tiền nêu trên cho ông **Ngô Quang A**. Nếu quá hạn này mà ông **D** không trả hoặc trả không đủ thì ông **D** sẽ phải chịu khoản lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Toàn bộ số tiền hai bên lập biên bản xác nhận công nợ là tiền vay gốc. Đến hạn trả nợ (ngày 30/11/2023) ông **D** không trả được cho ông **Quang A** đồng tiền gốc và lãi nào của khoản vay nêu trên. Ông **Quang A** đã liên tục đòi nhưng ông **D** khát nợ chưa trả. Do quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, ông **Quang A** khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết. Nay ông **Quang A** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Toà án tuyên buộc ông **D** phải trả số tiền gốc 1.186.318.179 đồng và tiền lãi của số tiền này tính từ tháng 12/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng, tiền lãi tạm tính đến ngày 01/8/2024 (08 tháng) là 1.186.318.179 đồng x 1%/tháng x 8 tháng = 94.905.000 đồng (Chín mươi tư triệu, chín trăm linh năm nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 1.281.223.179 đồng (Một tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng). Sau khi Toà án thụ lý vụ án, ngày 10/4/2024 ông **D** có trực tiếp đến gặp ông **Quang A** để thoả thuận về phương án trả nợ, ông **D** có cam kết đến ngày 31/7/2024 sẽ thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi cho ông **Quang A** nhưng hai bên chỉ trao đổi miệng, không lập biên bản. Tuy nhiên đến nay ông **D** vẫn không trả được cho ông **Quang A** khoản tiền gốc, lãi nào. Vì vậy đề nghị Toà án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Quang A**.

* Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy báo làm việc, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông **Nguyễn Anh D**. Tuy nhiên ông **D** không nộp văn bản ý kiến cho Toà án và cũng không đến Toà án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai, chứng cứ và phiên hoà giải theo giấy báo của Toà án.

* Toà án tiến hành làm việc với ông **Trần Quốc T** (tổ trưởng tổ dân phố số **F**, phường **T**, thành phố **B**), ông **T** cung cấp: Ông **Nguyễn Anh D** có đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ chỗ ở tại số nhà **B**, đường **N**, tổ dân phố số **F**, phường **T**, thành phố **B**, tỉnh **Bắc Giang**. Thời gian gần đây ông **D** thường xuyên vắng mặt tại địa phương; ông **D** đi đâu, làm gì không khai báo với chính quyền địa phương; thi thoảng khoảng 05 đến 10 ngày ông vẫn thấy ông **D** về nhà, nhưng thời gian về nhà không cố định nên ông không thể nhận thay các văn bản tố tụng của Toà án để giao lại cho ông **D** được.

* Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên hoà giải nhưng nguyên đơn, đại diện của nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Toà án đã

thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự được biết, không ai có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Anh D phải trả số tiền nợ gốc là 1.186.318.179 đồng và nợ lãi theo lãi suất thoả thuận 1%/tháng, thời tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2024 là 09 tháng 10 ngày, số tiền lãi 110.723.030 đồng, tổng số tiền phải trả 1.297.041.209 đồng; nguyên đơn yêu cầu làm tròn thành số tiền 1.297.000.000 đồng (tròn số tiền gốc là 1.186.318.000 đồng, tròn số tiền lãi là 110.682.000 đồng)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Anh D phải trả nguyên đơn ông Ngô Quang A tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2024 là 1.297.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

4. Kiến nghị, khắc phục: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/10/2023 do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác

định quan hệ pháp luật là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự cụ thể là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn ông Ngô Quang A vắng mặt nhưng đã uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Đ, bà Đ có mặt tại phiên toà; bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Quang A và ông D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về việc xác định loại hợp đồng vay tài sản: Biên bản xác nhận công nợ ghi ngày 31/10/2023 giữa Bên A: Ông Nguyễn Anh D và Bên B: Ông Ngô Quang A, các bên cùng nhau xác nhận nội dung sau:

“1. Số tiền vay: Tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/10/2023, Bên A là ông Nguyễn Anh D có vay của bên B là ông Ngô Quang A số tiền 1,186,318,179 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm mười tám nghìn, một trăm bảy chín đồng), lãi suất cho vay là: 1%/tháng; số tiền này bên A xác nhận đã nhận đủ.

2. Thời hạn vay: Chậm nhất là ngày 30/11/2023, bên A có nghĩa vụ trả đủ số tiền trên cho bên B. Nếu quá thời hạn này mà bên A không trả hoặc không trả đủ số tiền đã vay thì bên A sẽ phải chịu khoản lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.”

Căn cứ Điều 463 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự, xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông Ngô Quang A và Nguyễn Anh D là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

[2.2]. Về yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Quang A yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Anh D trả số tiền gốc 1.186.318.179 đồng: Hội đồng xét xử thấy, từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/10/2023 ông Nguyễn Anh D vay của ông Ngô Quang A tổng số tiền 1.186.318.179 đồng, các bên lập biên bản xác nhận công nợ ngày 31/10/2023, có chữ ký xác nhận của ông Ngô Quang A và ông Nguyễn Anh D, ông D xác nhận đã nhận đủ tiền vay. Theo biên bản xác nhận công nợ, các bên thoả thuận chậm nhất ngày 30/11/2023 ông D phải trả đủ tiền vay cho ông Quang A. Tuy nhiên, từ ngày ông D vi phạm nghĩa vụ trả tiền (ngày 01/12/2023) đến nay, ông D không trả được cho ông Quang A khoản tiền gốc nào. Ông Quang A nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông D trả số tiền gốc 1.186.318.179 đồng; ông D đã được Toà án niêm yết hợp lệ thông

báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng không nộp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không đến Tòa án làm việc và hoà giải. Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang A, buộc ông Nguyễn Anh D phải trả ông Ngô Quang A số tiền gốc 1.186.318.179 đồng.

[2.3] Về yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Quang A yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Anh D trả tiền lãi với lãi suất 1%/tháng, thời gian tính từ ngày 01/12/2023 đến 11/9/2024 (09 tháng 10 ngày), số tiền 110.683.486 đồng: Hội đồng xét xử thấy, theo biên bản xác nhận công nợ, ông Quang A và ông D thoả thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng. Việc thoả thuận lãi suất của hai bên phù hợp với quy định của Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác.”

Hợp đồng vay giữa ông Ngô Quang A và ông Nguyễn Anh D là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Do vậy, ông Quang A có quyền yêu cầu trả lãi theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, ông Quang A không yêu cầu trả lãi từ ngày vay 30/10/2023 đến ngày 30/11/2023 theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự; chỉ yêu cầu trả lãi từ ngày quá hạn trả nợ gốc (tức là từ ngày 01/12/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận. Từ ngày 01/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (11/9/2024) thời gian tính lãi là 09 tháng 10 ngày, số tiền lãi = $(1.186.318.179 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} \times 1\%) + (1.186.318.179 \text{ đồng} \times 10 \text{ ngày} \times 1\%/30) = 110.723.030 \text{ đồng}$.

[2.4]. Tổng cả gốc, lãi bị đơn nợ nguyên đơn đến ngày 11/9/2024 là $1.186.318.179 \text{ đồng} + 110.723.030 \text{ đồng} = 1.297.041.209 \text{ đồng}$; nguyên đơn yêu cầu làm tròn thành số tiền 1.297.000.000 đồng (tròn số tiền gốc là 1.186.318.000 đồng, tròn số tiền lãi là 110.682.000 đồng) là có lợi cho bị đơn và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các bên không tự thoả thuận được về lãi suất chậm thi hành án, nên áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tuyên phần lãi suất chậm thi hành án.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí là 36.000.000 đồng + 497.000.000 đồng x 3% = 50.910.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Ngô Quang A**: Buộc bị đơn ông **Nguyễn Anh D** phải trả nguyên đơn ông **Ngô Quang A** số tiền 1.297.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu đồng), trong đó: Số tiền gốc là 1.186.318.000 đồng, số tiền lãi là 110.682.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải trả cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông **Nguyễn Anh D** phải chịu 50.910.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu, chín trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông **Ngô Quang A** số tiền tạm ứng án phí 24.417.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tư triệu, bốn trăm mười bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001687 ngày 04/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan